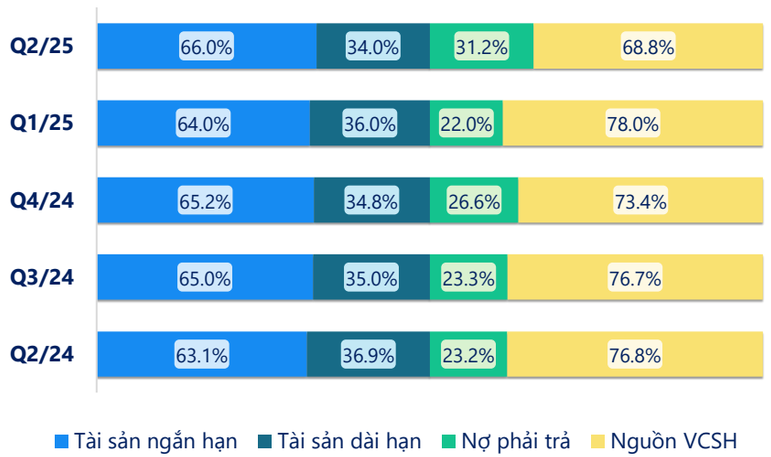
FireAnt

CTCP Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (HSX: DBD)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	53,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	59,786
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	38,089
SL cổ phiếu LH	93,553,762
KLGD BQ 20 phiên (CP)	331,495
% sở hữu nước ngoài	15.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,024
P/E	16.4
EPS	3,281

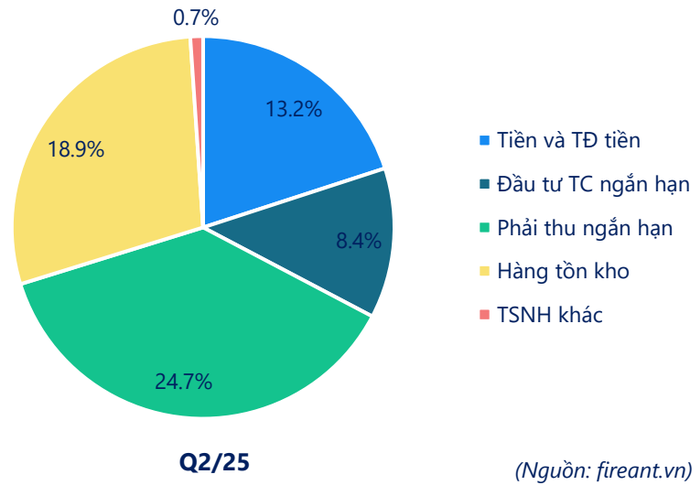
	YTD	1T	3T	6T
DBD	-5.6%	3.7%	3.1%	-4.5%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



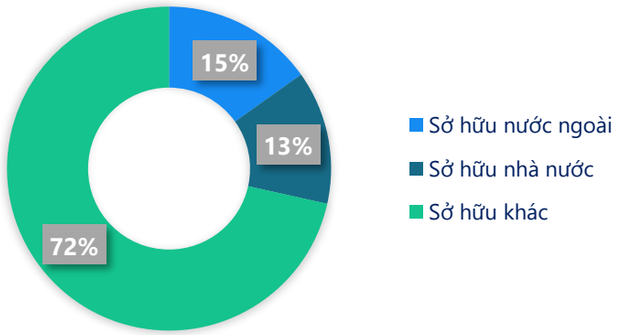
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



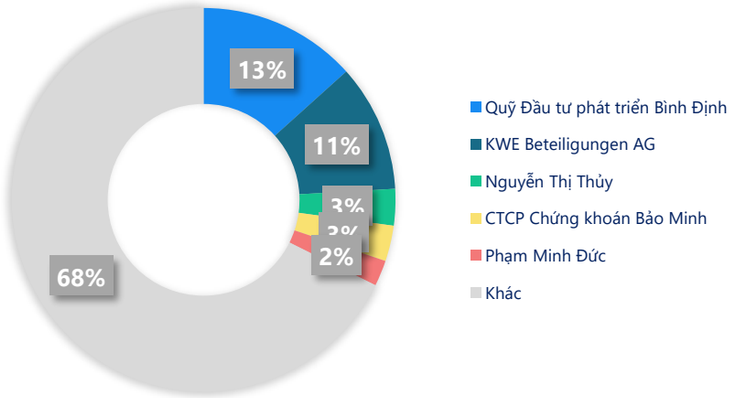
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



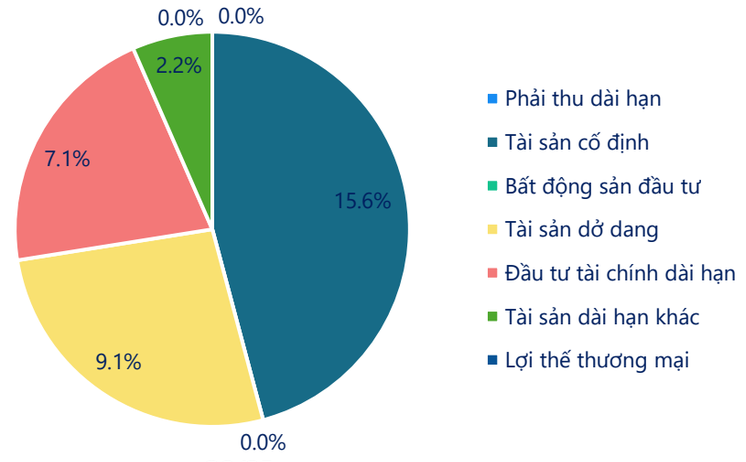
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

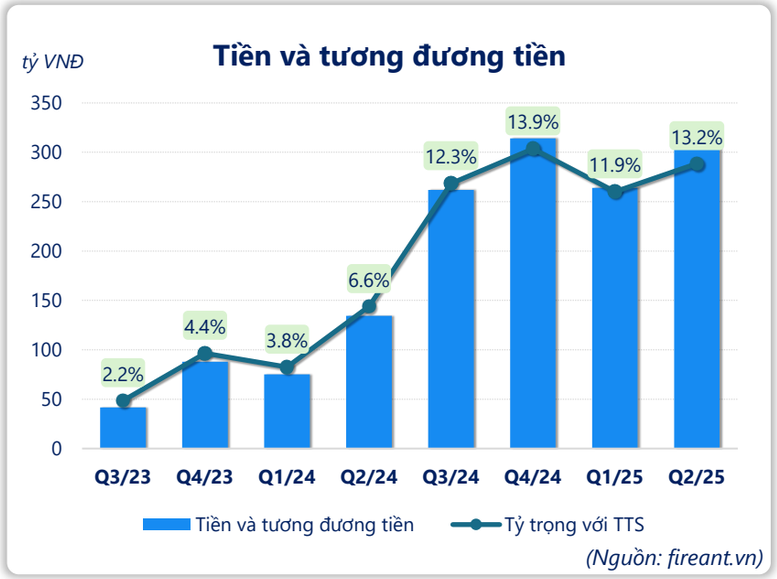
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



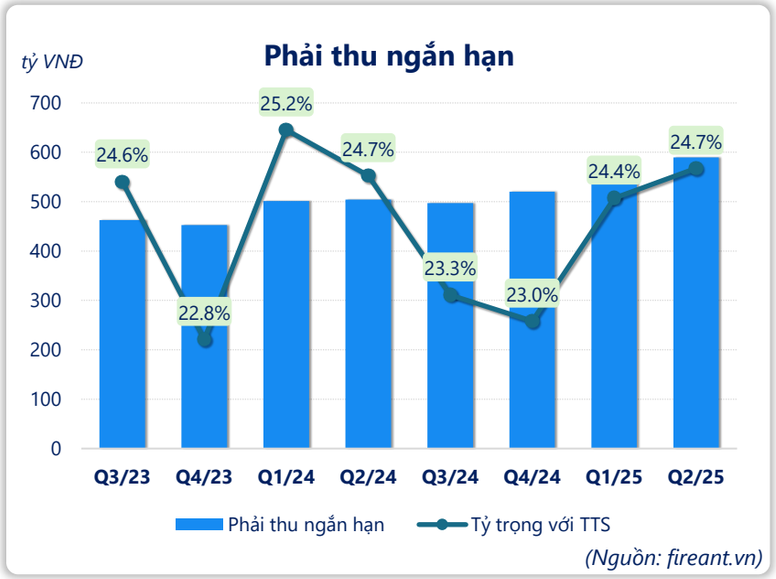
(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

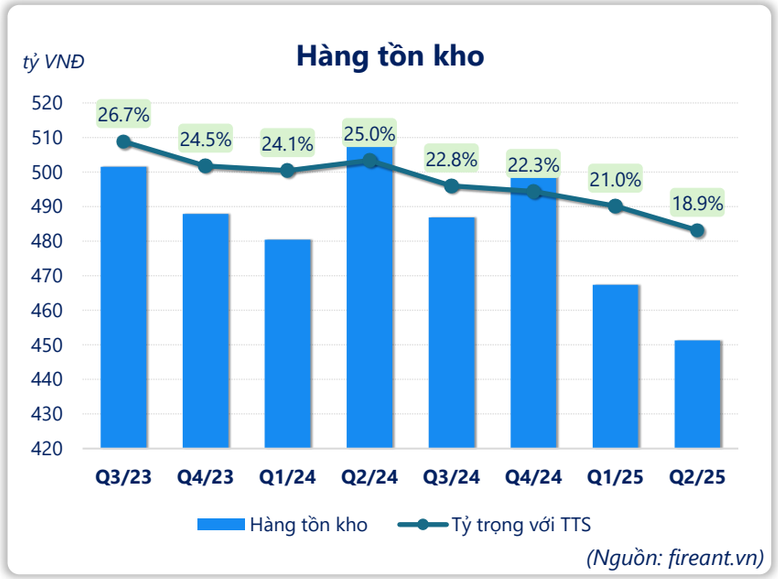
CTCP Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (HSX: DBD)



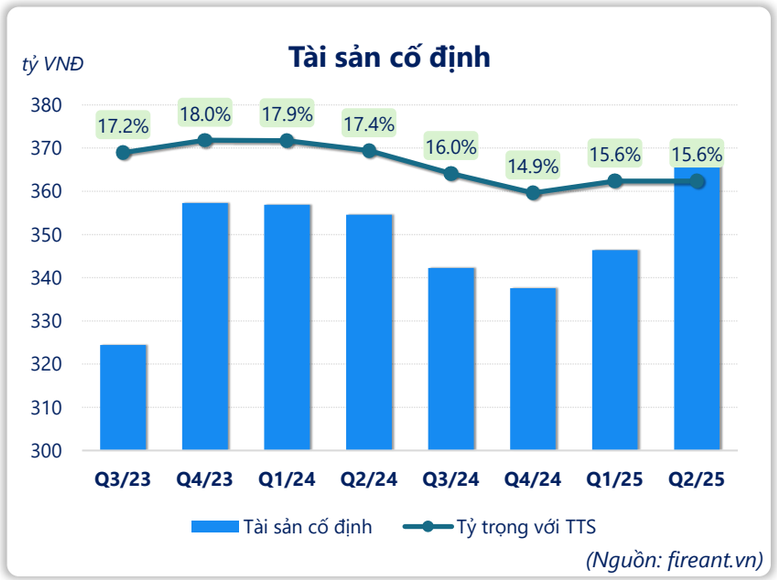
(Nguồn: fireant.vn)



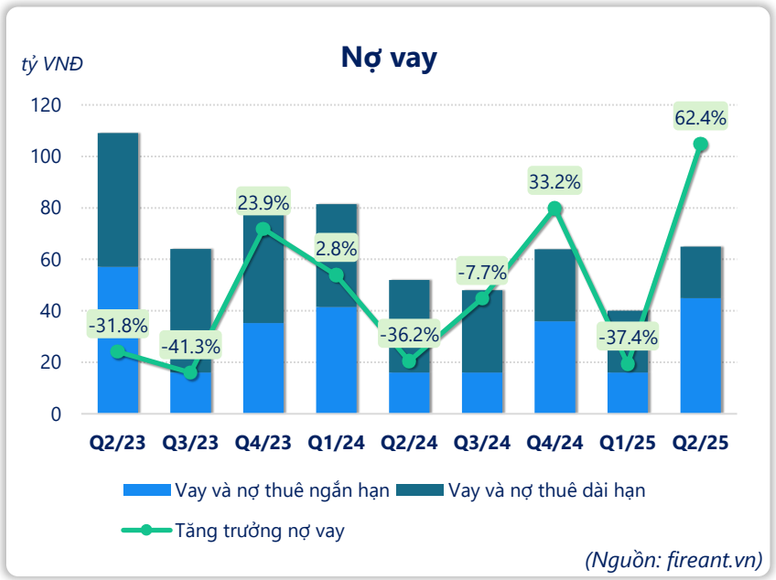
(Nguồn: fireant.vn)



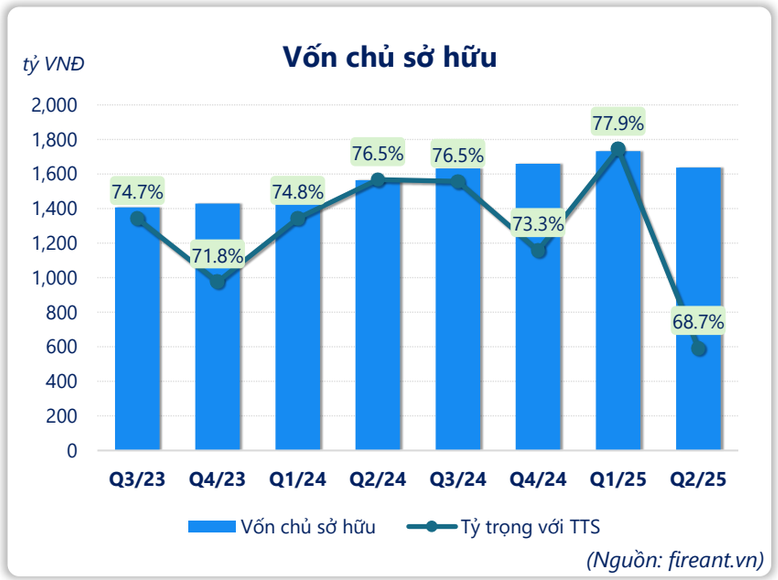
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

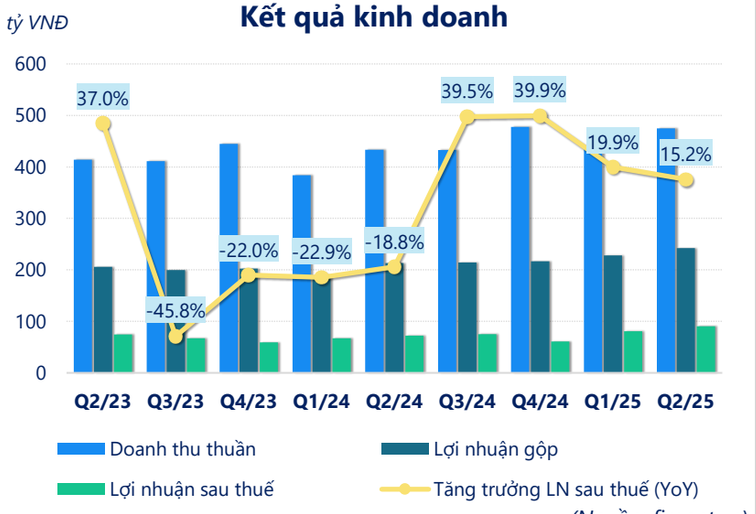


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

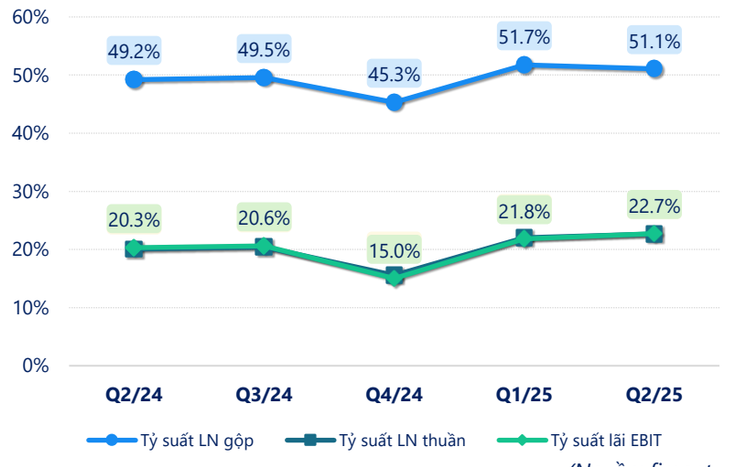
CTCP Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (HSX: DBD)

Kết quả kinh doanh



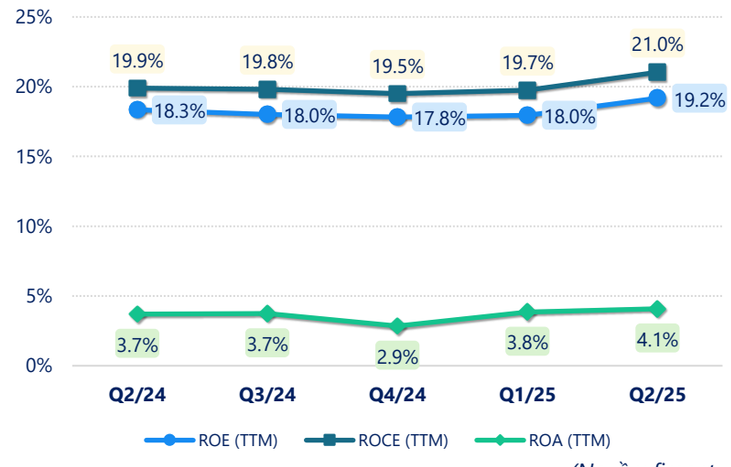
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



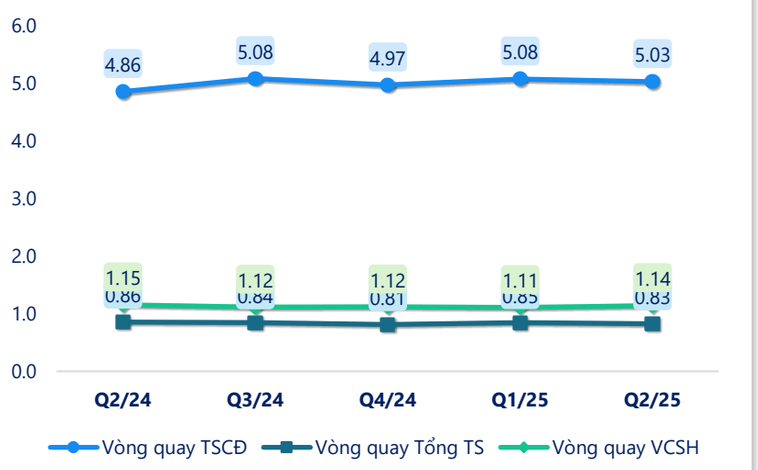
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



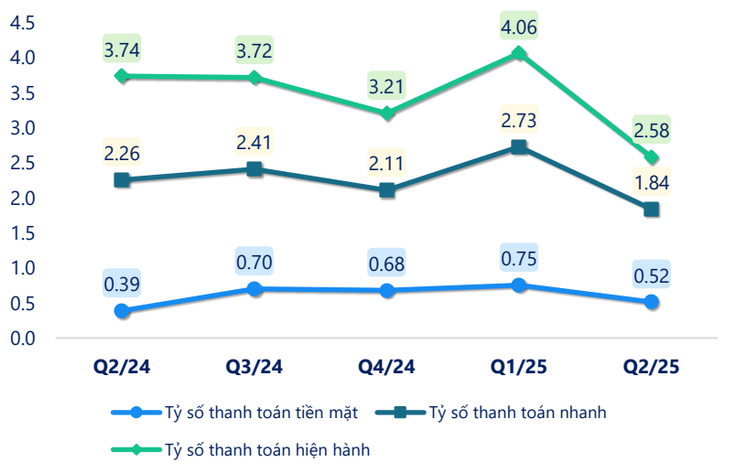
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



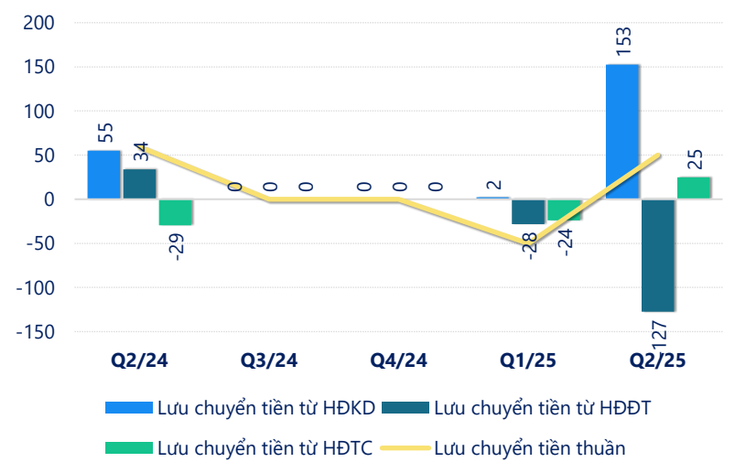
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (HSX: DBD)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,382**	**2,264**	**5.2%**
Tài sản ngắn hạn	1,571	1,476	6.4%
Tiền và tương đương tiền	314	314	0.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	200	124	60.6%
Phải thu ngắn hạn	589	520	13.3%
Hàng tồn kho	451	505	-10.7%
Tài sản ngắn hạn khác	16.9	12.1	39.9%
Tài sản dài hạn	**810**	**788**	**2.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	372	338	10.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	216	233	-7.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	170	164	3.3%
Tài sản dài hạn khác	**53.2**	**52.7**	**1.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	743	603	23.2%
Nợ ngắn hạn	**609**	**460**	**32.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	44.9	35.9	25.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	95.7	161	-40.5%
Nợ dài hạn	134	143	-6.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	20.0	28.0	-28.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,639**	**1,661**	**-1.3%**
Vốn chủ sở hữu	**1,637**	**1,659**	**-1.3%**
Vốn điều lệ	936	936	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**2.07**	**2.41**	**-14.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	433	433	478	441	475
Giá vốn hàng bán	220	218	261	213	232
Lợi nhuận gộp	213	214	216	228	242
Doanh thu HĐTC	2.36	3.37	4.63	4.20	5.01
Chi phí TC	4.50	4.74	4.20	3.21	3.49
Chi phí lãi vay	1.13	0.82	0.99	0.72	0.79
LN trong công ty LKLD	-2.56	6.95	13.6	7.99	3.60
Chi phí bán hàng	101	111	100	92.9	133
Chi phí QLDN	20.7	21.0	55.9	47.1	7.14
LN thuần từ HĐKD	86.9	88.4	74.4	97.1	108
Lợi nhuận khác	-0.12	-0.05	-3.61	-1.60	-0.49
LN trước thuế	86.8	88.4	70.8	95.5	107
Lợi nhuận sau thuế	72.4	75.0	60.6	81.0	90.3
LNST của CĐ cty mẹ	72.4	75.0	60.6	81.0	90.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	54.9	0	0	2.14	153
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	33.9	0	0	-28.4	-127
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-29.5	0	0	-23.9	24.9
Tiền đầu kỳ	75.1	0	0	314	264
Lưu chuyển tiền thuần	**59.3**	**0**	**0**	**-50.2**	**50.2**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	-0.01	0.01
Tiền cuối kỳ	134	0	0	264	314

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic